

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH HẢI DƯƠNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2018/QĐST-HNGĐ

Hải Dương, ngày 02 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 44/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Q, sinh ngày 12/9/1985;

ĐKKHKT: Thôn M, xã S, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại: Hàn Quốc.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị V, sinh ngày 11/12/1988.

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã S, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1957.

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã S, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn Q và chị Phạm Thị V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Hà A, sinh ngày 03/5/2008 và Phạm Bảo N, sinh ngày 18/11/2011 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị V là 650.000 đồng/con/tháng. Tổng số tiền Anh Q phải cấp dưỡng nuôi con cho chị V là 1.300.000 đồng/tháng, thời gian kể từ tháng 4/2018 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Anh Q được quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Anh Q không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung: Anh Q, chị V và bà H thỏa thuận:

Chị V được quyền quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích 85,8 m² đất tại thửa đất số 328, tờ bản đồ số 02, có địa chỉ tại thôn N, xã H, huyện M, Hải Dương.

Anh Q được quyền sở hữu ngôi nhà 02 tầng và 01 tum nằm trên thửa đất số 114, tờ bản đồ số 01, diện tích 125,6 m², có địa chỉ Thôn M, xã S, huyện G, Hải Dương (bà H là chủ sử dụng đất).

2.3. Về án phí: Anh Q tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn và phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2016/0003220 ngày 03/4/2018 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hải Dương. Anh Q đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã S, huyện G, Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu tòa.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

